

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2020

V/v tranh chấp “xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN  
GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Chí Khanh**

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Phúc**

**Bà Trần Thị Thu Thảo**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Thạch Hải Âu** – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Mai Ngọc L**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 02/12/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày: Tôi và anh Mai Ngọc L có quen biết từ trước và cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay, không có hàn gắn được gì. Về con chung: Có hai

con chung là Mai Thị Mỹ D, sinh ngày 16/10/2001 và Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, hiện cháu D đã thành niên, còn cháu Đ đang sống với anh L.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Mai Ngọc L; Về con chung: Yêu cầu anh Mai Ngọc L được tiếp tục nuôi 01 con chung là Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Tại đơn biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2020 bị đơn anh Mai Ngọc L trình bày: Về việc kết hôn và con chung như vợ tôi Nguyễn Thị Bích P trình bày là đúng. Năm 2019 sau khi Tòa án hai cấp xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ thì giữa tôi và P có trao đổi, P hứa sẽ trở về nhà chung sống nhưng từ đó đến nay không về mà mượn nhà trọ để ở, bản thân tôi và gia đình cũng không ai biết P ở đâu, gia đình có động viên nhiều lần mà P vẫn không về. Trong đời sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì, trước đây do P đi bán vé số rồi đi ăn nhậu cho tới khuya. Từ khi Tòa án xử năm 2019 cho đến nay vợ chồng cũng không có cự cãi gì, tôi cũng không liên lạc được với vợ, vợ cũng không có về nhà thăm con, không biết lý do vì sao nay vợ lại xin ly hôn tiếp.

Nay tôi mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung là Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, vợ tôi không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

\* Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Nguyễn Thị Bích P yêu cầu được ly hôn với anh Mai Ngọc L; Về con chung: Yêu cầu anh Mai Ngọc L được tiếp tục nuôi 01 con chung là Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, chị không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Anh Mai Ngọc L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung là Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích P được ly hôn anh Mai Ngọc L; Về con chung: Giao cho anh Mai Ngọc L tiếp tục nuôi một con chung là Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và Về nợ chung: không đặt ra xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích P tại phiên tòa thì chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Ngọc L. Anh Mai Ngọc L hiện cư trú tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Bích P yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Ngọc L. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P, Hội đồng xét xử xét thấy chị P và anh L có quen biết từ trước và cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn. Chị P xác định anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã; còn anh L xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do chị P tự bỏ nhà ra đi và tự yêu cầu xin ly hôn. Vợ chồng ly thân đến từ năm 2019 đến nay, không có hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian chung sống hạnh phúc giữa anh L và chị P là ngắn, trong thời gian chung sống anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã mà không tự giải quyết được, anh chị ly thân là từ năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân nhau, anh L và chị P cũng không hàn gắn được gì. Năm 2019 Tòa án hai cấp cũng đã xét xử không cho chị P ly hôn anh L là nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn, đoàn tụ, tuy nhiên cho đến nay anh chị cũng không có hàn gắn được gì. Tại phiên tòa chị P cương quyết được xin ly hôn đối với anh L vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị P là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích P được ly hôn anh Mai Ngọc L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị P và anh L có hai con chung là Mai Thị Mỹ D, sinh ngày 16/10/2001 và Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, hiện cháu D đã thành niên, còn cháu Đ đang sống với anh L. Tại phiên tòa hôm nay chị P yêu cầu giao cho anh L được tiếp tục nuôi 01 con chung là Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L cũng đồng ý theo yêu cầu của chị P về việc nuôi con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân nhau cho đến nay, cháu Đ hiện đang sống với anh L ổn định. Lời khai của cháu Đ yêu cầu được sống với anh L, cháu Đ là con trai nên cũng rất cần sự chăm sóc của cha. Anh L cũng có điều kiện nuôi dạy con tốt. Anh L và chị P cũng đã thỏa thuận về người nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho anh L tiếp tục nuôi một con chung giữa anh và chị P là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh L không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị P có tài sản chung nhưng anh chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh L và chị P đều xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có ghi nhận khi khi án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với anh Mai Ngọc L.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Mai Ngọc L được tiếp tục nuôi một con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Bích P là cháu Mai Hoàng Minh Đ, sinh ngày 30/10/2009. Chị Nguyễn Thị Bích P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Mai Ngọc L chưa có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Bích P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 20792 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị P thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị P và anh L được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

**THẨM**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã T;
- Các đương sự:
  - + Nguyễn Thị Bích P
  - + Mai Ngọc L
- Lưu.

**Nguyễn Chí Khanh**